

Số: **16/2026/QĐST-KDTM**

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 17/2026/TLST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH MTV T** – Địa chỉ trụ sở: Số A, T, Khu phố C, Phường Đ, Tỉnh Q. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Diệu L - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Bảo Á, sinh năm: 1993; Ông Trương Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 2002; Ông Lý Minh Q, sinh năm: 2003. Địa chỉ liên hệ: H T, phường T, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy uỷ quyền số 07/GUQ-PTP ngày 19/03/2026 của bà Lê Thị Diệu L*).

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần X** – Địa chỉ trụ sở: E N, phường A, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Minh N1 – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Trần Thị H, sinh năm: 1990. Địa chỉ liên hệ: 30 N, phường H, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy uỷ quyền số 23/UQ-CRC ngày 10/6/2026 của bà Phan Minh N1*).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác nhận nợ: Công ty Cổ phần X nợ Công ty TNHH MTV T số tiền là: **306.334.643** đồng (*ba trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng*).

2. Thời gian và phương thức trả nợ như sau:

Vào ngày 30/9/2026, Công ty Cổ phần X phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV T số tiền là: **306.334.643** đồng (*ba trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 7.658.366 đồng (*Bảy triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng*) các bên đương sự thỏa thuận Công ty Cổ phần X phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV T số tiền 7.658.366 đồng (*Bảy triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003146 ngày 03/4/2026.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THA dân sự TP Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Kim Nhung